

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Lữ Minh Đăng*

Tóm tắt: Bài viết phân tích các quy định pháp luật hiện hành về đánh giá công chức cấp xã hàng năm và thực tiễn thực hiện tại một số địa phương. Qua đó, chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc và đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này.

Abstract: The article analyzes the existing regulations relating to the annual assessment on commune-level cadres and its practice at localities. Thereby, it points out shortcomings, bottlenecks, and makes proposals for legal improvement on this matter.

Công chức cấp xã là cầu nối giữa Nhà nước và nhân dân, người thực hiện công việc của chính quyền cơ sở, là một yếu tố cấu thành của bộ máy chính quyền cơ sở. Đánh giá công chức cấp xã là một khâu quan trọng, căn bản của quá trình xây dựng, phát triển, quản lý và sử dụng công chức cấp xã nhằm đáp ứng được nhiệm vụ tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Công tác này được tiến hành thường xuyên hàng năm, trước khi công chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chuyển công tác... Mục đích của hoạt động đánh giá nhằm cung cấp thông tin cho công tác quản lý, làm cơ sở cho các quyết định quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng, tuyển chọn, đề bạt, chính sách lương, thưởng... Thời gian qua, các cơ quan chức năng đã tích cực nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện các quy định về đánh giá cán bộ, công chức nói chung và công chức cấp xã nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định về đánh giá công chức cấp xã vẫn còn bộc lộ những hạn chế, vướng mắc nhất định.

1. Quy định về công chức và đánh giá công chức cấp xã

Thứ nhất, về công chức và công chức cấp xã. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Theo khoản 3 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, công chức cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn) là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của

* ThS., Trường Chính trị thành phố Cần Thơ.

Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, công chức cấp xã gồm 07 chức danh và chúng ta tạm chia thành 02 nhóm như sau: Nhóm 1 (sau đây gọi là công chức cấp xã nhóm 1) gồm công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị - môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - xây dựng - nông nghiệp - môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội; nhóm 2 (sau đây gọi là công chức cấp xã nhóm 2) gồm Trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy), Chỉ huy trưởng quân sự. Qua các quy định trên chúng ta nhận thấy, khái niệm *công chức* dùng để chỉ những người công tác ở cơ quan, đơn vị, tổ chức từ cấp huyện trở lên (hay còn gọi là công chức cấp huyện trở lên); khái niệm *công chức cấp xã* chỉ những người công tác ở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thứ hai, về tiêu chí đánh giá công chức cấp xã. Hiện nay, chúng ta chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá công chức cấp xã, mà đang sử dụng hệ thống về tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã để thay thế tiêu chí đánh giá công chức cấp xã hàng năm. Cụ thể:

i) Tiêu chuẩn chung: Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được

giao; am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác¹.

ii) Tiêu chuẩn cụ thể: Trình độ giáo dục phổ thông - Tốt nghiệp trung học phổ thông; trình độ chuyên môn nghiệp vụ - Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã; trình độ tin học - Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông². Bên cạnh đó, đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an cấp xã, ngoài những tiêu chuẩn quy định nêu trên còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước³.

Thứ ba, về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã, hiện nay căn cứ theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP), trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã được chia thành 02 quy trình:

¹ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

² Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

³ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

i) Quy trình đánh giá công chức cấp xã nhóm 1: Bước 1 - Công chức tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; bước 2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét về kết quả tự đánh giá của công chức, đánh giá ưu, nhược điểm của công chức trong công tác; bước 3 - Tập thể công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã họp tham gia góp ý kiến. Ý kiến góp ý được lập thành biên bản và thông qua tại cuộc họp; bước 4 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết luận và quyết định xếp loại công chức tại cuộc họp đánh giá công chức hàng năm.

ii) Quy trình đánh giá công chức cấp xã nhóm 2: Bước 1 - Công chức tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận xét ưu, nhược điểm trong công tác; bước 2 - Tập thể Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, Công an cấp xã và công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã họp tham gia góp ý. Ý kiến góp ý được lập thành biên bản và thông qua tại cuộc họp; bước 3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá, quyết định xếp loại công chức và thông báo đến công chức sau khi tham khảo ý kiến góp ý bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện (đối với Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã), Trưởng Công an huyện (đối với Trưởng Công an cấp xã).

Thứ ba, về thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã, căn cứ khoản 4 Điều 46 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, theo đó Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã, nhận xét, đánh giá hàng năm đối với công chức cấp xã.

2. Một số hạn chế, vướng mắc trong thực hiện pháp luật về đánh giá công chức cấp xã

Trên cơ sở các văn bản của trung ương quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức nói chung và công chức cấp xã nói riêng, các địa phương ban hành các quyết định hoặc công văn hướng dẫn thực hiện công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên toàn địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tuy nhiên qua khảo sát thực tiễn thực hiện các quy định về đánh giá công chức cấp xã hàng năm, tác giả nhận thấy một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, về văn bản sử dụng để đánh giá công chức cấp xã hàng năm. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cơ bản sử dụng Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 90/2020/NĐ-CP) để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền quản lý⁴, trong đó bao gồm luôn công chức cấp xã. Mặc dù, Nghị định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức⁵, tuy nhiên vẫn đề đặt ra là

⁴ Xem thêm: Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Ninh Thuận; Hướng dẫn số 1421/HD-SNV ngày 03/12/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên về thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên năm 2020; Công văn số 3118/SNV-CCVC ngày 06/11/2020 của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức...

⁵ Điều 1 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP có áp dụng đối với công chức cấp xã hay không? Như đã phân tích ở trên, có hai khái niệm: Một là, *công chức* dùng để chỉ những người công tác ở cơ quan, đơn vị, tổ chức từ cấp huyện trở lên (hay còn gọi là công chức cấp huyện trở lên); hai là, *công chức cấp xã* dùng để chỉ những người công tác ở Ủy ban nhân dân cấp xã. Như vậy, với hai khái niệm “công chức” và “công chức cấp xã” đối chiếu với thuật ngữ “công chức” được ghi nhận trong phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP chúng ta có thể hiểu theo hai cách khác nhau:

Cách hiểu thứ nhất, nội hàm của thuật ngữ “công chức” ghi nhận tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP bao gồm luôn cả hai nhóm đối tượng là “công chức” từ cấp huyện trở lên và “công chức cấp xã” tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Hiện nay, một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đang hiểu theo cách này, chẳng hạn tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Công văn số 3118/SNV-CCVC ngày 06/11/2020 của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ... áp dụng toàn bộ nội dung Nghị định số 90/2020/NĐ-CP để đánh giá công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh, thành phố. *Cách hiểu thứ hai*, nội hàm của thuật ngữ “công chức” ghi nhận tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP chỉ nhóm đối tượng là “công chức” từ cấp huyện trở lên. Theo cách hiểu này, việc đánh giá công chức cấp xã hàng năm không thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP.

Mặc dù, nhiều địa phương quan niệm theo cách hiểu thứ nhất, tuy nhiên trong phạm vi bài viết này tiếp cận theo cách hiểu

thứ hai, bởi một số lý do sau: i) Nghị định số 90/2020/NĐ-CP không đưa ra tiêu chí đánh giá cụ thể đối với công chức cấp xã mà chỉ đưa ra tiêu chí đánh giá công chức nói chung, vì vậy tiêu chí đánh giá này không phù hợp với công chức cấp xã như phần trên đã trình bày; ii) Nếu áp dụng Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, sẽ tồn tại 02 quy định về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã hàng năm ở 02 văn bản khác nhau. Cụ thể trình tự, thủ tục đánh giá công chức tại Điều 28 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và trình tự, thủ tục đánh giá công chức, xếp loại chất lượng công chức tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP (Nghị định này thay thế toàn bộ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Cả hai văn bản này đều không đề cập đến việc bãi bỏ Điều 28 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP). Trong trường hợp này, căn cứ khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, khi có 02 Nghị định quy định về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã thì áp dụng văn bản ban hành sau, tức Nghị định số 90/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, nếu thực hiện Nghị định số 90/2020/NĐ-CP thì lại thiếu quy định về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã nhóm 1. Từ những phân tích trên, có thể nhận định Nghị định số 90/2020/NĐ-CP điều chỉnh và áp dụng cho đối tượng công chức từ cấp huyện trở lên. Do đó, việc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng Nghị định số 90/2020/NĐ-CP để đánh giá công chức cấp xã là chưa phù hợp.

Thứ hai, về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã. Như đã đề cập ở phần trước, căn cứ theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP chúng ta có 02 quy trình

đánh giá công chức cấp xã: Nhóm 1 và nhóm 2. Tuy nhiên, hiện nay các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do áp dụng Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, nên áp dụng thông nhất 01 quy trình chung để đánh giá công chức (bao gồm công chức cấp tỉnh, công chức cấp huyện và công chức cấp xã)⁶. Về cơ bản, quy trình này tương đồng với trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã nhóm 1 theo quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP nên có thể áp dụng. Đối với công chức cấp xã nhóm 2, quy trình tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP khác với trình tự thủ tục tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, do đó, các xã, phường, thị trấn gặp lúng túng trong việc chọn quy trình để thực hiện đánh giá công chức do mình quản lý.

Thứ ba, về tiêu chí đánh giá công chức cấp xã. Để đánh giá công chức nói chung và công chức cấp xã nói riêng, chúng ta cần có một hệ thống các tiêu chí đánh giá cơ bản như: Tiêu chí chung, tiêu chí cụ thể, tiêu chí xếp loại chất lượng... Hiện nay, chúng ta chưa có văn bản cụ thể quy định về tiêu chí để đánh giá công chức cấp xã. Tuy nhiên, theo tinh thần tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đánh giá công chức cấp xã hàng năm. Qua khảo sát, đa số các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không ban hành văn bản quy định về tiêu chí đánh giá công

chức cấp xã riêng biệt mà hướng dẫn áp dụng tiêu chí đánh giá công chức chung (bao gồm cả công chức tỉnh, công chức cấp huyện và công chức cấp xã)⁷ theo các Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo tác giả, nội hàm các quy phạm pháp luật này dùng để xác định mức độ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của công chức (hay còn gọi là *tiêu chí xếp loại chất lượng*). Tiêu chí đánh giá công chức nói chung và công chức cấp xã nói riêng được hiểu theo nghĩa rộng bao hàm các *tiêu chí chung* như: Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật và các *tiêu chí cụ thể*: Về tiêu chuẩn ngạch, bậc, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao phù hợp với vị trí việc làm. Mặc dù, Điều 3 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP có quy định về tiêu chí đánh giá công chức, nhưng chỉ dừng lại ở các tiêu chí chung. Do đó, để đánh giá công chức thì cơ quan chủ quản hoặc cơ quan được giao thẩm quyền quản lý căn cứ các tiêu chí chung nói trên và tiêu chuẩn ngạch, bậc, vị trí việc làm đối với ngành, lĩnh vực mình phụ trách ban hành các tiêu chí cụ thể để đánh giá công chức. Như vậy, có thể nhận thấy, tiêu chí đánh giá công chức cấp xã đang thực hiện tại một số địa phương là vừa thiếu và chưa phù hợp.

Thứ tư, về thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã. Qua khảo sát văn bản quy định về phân cấp quản lý công chức cấp xã của

⁶ Xem thêm: Mục I.1.b, Mục IV và phụ lục số 3 Công văn số 3118/SNV-CCVC ngày 6/11/2020 của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; khoản 3 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8 quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế...

⁷ Chẳng hạn: Mục II.1.c Công văn số 3118/SNV-CCVC ngày 06/11/2020 của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Điều 4 Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Ninh Thuận...

một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, việc giao thẩm quyền này được thể hiện dưới hai hình thức:

i) Ghi nhận trực tiếp trong quyết định phân cấp quản lý công chức cấp xã hoặc trong văn bản hướng dẫn đánh giá công chức. Ở hình thức này, thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã hàng năm thường giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã⁸.

ii) Viện dẫn thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP trong quyết định phân cấp quản lý công chức cấp xã hoặc trong văn bản hướng dẫn đánh giá công chức⁹. Theo đó, thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã hàng năm được quy định cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Như vậy, theo tác giả, việc thực hiện thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã giữa các địa phương chưa có sự thống nhất, có nơi thẩm quyền này thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chế độ thủ trưởng (người đứng đầu), có nơi lại thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (theo chế độ tập thể).

⁸ Ví dụ: Tỉnh Bắc Kạn: Khoản 3 Điều 8 quy định phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn*); tỉnh Cà Mau: Khoản 1 Điều 8 quy định phân cấp quản lý đối với công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2020/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau*)...

⁹ Ví dụ: Thành phố Đà Nẵng: Khoản 1 Điều 22 quy định về cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (*Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng*); thành phố Cần Thơ: Điều 18 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn, ấp, khu vực (*Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ*)...

3. Một số đề xuất, kiến nghị

Thứ nhất, về văn bản sử dụng đánh giá công chức cấp xã hàng năm. Qua khảo sát thực tế, hiện nay các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang sử dụng Nghị định số 90/2020/NĐ-CP để đánh giá công chức cấp xã thuộc quyền quản lý của địa phương. Tuy nhiên, qua phân tích và theo cách hiểu của tác giả, Nghị định này áp dụng cho việc đánh giá công chức từ cấp huyện trở lên và việc đánh giá công chức cấp xã thực hiện theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP. Vì vậy, khuyến nghị cơ quan có thẩm quyền cần xác định và hướng dẫn cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP để các địa phương thực hiện thống nhất và đúng theo tinh thần của hai văn bản nói trên.

Thứ hai, về phía địa phương, khi xây dựng và ban hành văn bản đánh giá công chức cấp xã, khuyến nghị vận dụng theo hướng sau:

i) Về khung tiêu chí đánh giá công chức cấp xã hàng năm. Đối với tiêu chí chung, khuyến nghị áp dụng thống nhất với tiêu chí chung về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 3 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP. Đối với tiêu chí cụ thể, khuyến nghị căn cứ vào tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ từng chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV để xây dựng tiêu chí này; riêng đối với tiêu chí cụ thể để đánh giá công chức là Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an cấp xã cần phối hợp với cơ quan Quân sự, Công an để thống nhất tiêu chí cụ thể đối với các chức danh này. Về tiêu chí xếp loại chất lượng công chức cấp xã, khuyến nghị áp dụng thống nhất với công chức cấp huyện trở lên theo quy định

tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Mục 2 Chương II Nghị định số 90/2020/NĐ-CP.

ii) Về trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã hàng năm, khuyến nghị sử dụng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP. Bởi lẽ, *một là*, quy định này chưa hết hiệu lực và không bị bãi bỏ bởi Nghị định số 90/2020/NĐ-CP; *hai là*, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP có quy định về trình tự, thủ tục đánh giá công chức, tuy nhiên trình tự, thủ tục này có thể được hiểu là áp dụng cho công chức từ cấp huyện trở lên; *ba là*, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP bao gồm hai trình tự, thủ tục cụ thể đối với hai nhóm công chức cấp xã như đã phân tích ở phần trên, trong khi đó trình tự, thủ tục đánh giá công chức tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP chỉ có thể áp dụng để đánh giá công chức cấp xã nhóm 1, thiếu trình tự, thủ tục đánh giá công chức cấp xã nhóm 2.

iii) Về hồ sơ tài liệu, biểu mẫu đánh giá công chức cấp xã hàng năm, khuyến nghị sử dụng thống nhất hồ sơ theo quy định tại Điều 22 và các biểu mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP.

Thứ ba, về thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã. Như đã phân tích ở phần trước, thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã giữa các địa phương hiện nay có sự không thống nhất trong thực hiện, một số địa phương giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (trách nhiệm cá nhân), số khác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã (trách nhiệm tập thể). Phân tích về mặt pháp lý, việc các địa phương thực hiện theo tinh thần Nghị định số 112/2011/NĐ-CP là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo tác giả, vẫn còn có điểm chưa phù hợp. Một là, đối với việc đánh giá công chức từ

cấp huyện trở lên, hiện nay, chúng ta đang giao thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, vì vậy cần có sự thống nhất từ trên xuống đến cơ sở. Hai là, việc thực hiện chế độ thủ trưởng (trách nhiệm cá nhân) trong công tác đánh giá công chức cấp xã sẽ được tổ chức thực hiện thuận lợi, dễ dàng, dễ quản lý và dễ quy trách nhiệm... Chính vì thế, khuyến nghị trong thời gian tới, cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi quy định về thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã tại điểm a khoản 4 Điều 46 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP theo hướng giao thẩm quyền đánh giá công chức cấp xã cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để các địa phương thực hiện thống nhất.

4. Kết luận

Đánh giá công chức cấp xã hàng năm là một khâu, nội dung quan trọng trong công tác quản lý cán bộ, công chức cấp cơ sở. Việc đánh giá công chức cấp xã cũng khó hơn so với công chức ở các cấp khác bởi tính đa dạng và đặc thù trong hoạt động công vụ của cấp cơ sở, trong thực tế công chức cấp xã thường kiêm nhiệm nhiều vị trí khác nhau trong các tổ chức chính trị - xã hội. Chính vì thế, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các nội dung, tiêu chí, phương pháp, quy trình đánh giá và một số vấn đề liên quan đến công chức cấp xã, bảo đảm đúng quy định pháp luật, phát huy hiệu quả... Đồng thời, bảo đảm tính khách quan, dân chủ, công bằng và công khai, minh bạch của công tác này trong thời gian tới, nhằm góp phần thể chế hóa quan điểm của Đảng về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.